

Số: ~~1787~~/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011  
của các địa phương để thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Tài chính (Công văn số 12212/BTC-HCSN ngày 13 tháng 9 năm 2011),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 cho các địa phương là 11.650 triệu đồng (mười một tỷ, sáu trăm năm mươi triệu đồng) từ nguồn dự toán chi đảm bảo xã hội của ngân sách trung ương năm 2011 đã được Quốc hội quyết định để thực hiện Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 - 2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2011 (chi tiết theo phụ lục đính kèm). Việc quản lý và sử dụng kinh phí bổ sung được thực hiện theo quy định hiện hành.

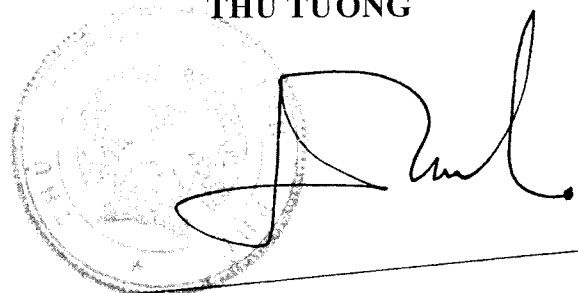
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các PTTg Chính phủ;
- VPCP: BTCN, PCN Phạm Văn Phụng,  
các Vụ: TH, KGVX, KTN, TKBT;
- Lưu: VT, KTTH (5b). *fol*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



**Phụ lục**  
**PHƯƠNG AN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2011**  
**CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA**  
**BẢO VỆ TRẺ EM**

Kèm theo Quyết định số ~~1787~~/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2011  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Địa phương	Tổng số	Trong đó		
			Dự án 1: Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội	Dự án 2: Nâng cao năng lực cho cán bộ, cộng tác viên, tình nguyện viên	Dự án 4: Xây dựng và nhân rộng mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt
	Tổng cộng	11.650	5.500	4.550	1.600
1	Lai Châu	175	100	75	
2	Điện Biên	250	150	100	
3	Sơn La	150	75	75	
4	Lào Cai	200	100	100	
5	Yên Bái	175	75	100	
6	Hà Giang	175	100	75	
7	Tuyên Quang	200	125	75	
8	Cao Bằng	175	100	75	
9	Lạng Sơn	200	100	100	
10	Bắc Cạn	250	150	100	
11	Thái Nguyên	150	75	75	
12	Hoà Bình	175	100	75	
13	Bắc Giang	200	125	75	
14	Phú Thọ	175	75	100	
15	Hải Dương	175	100	75	
16	Hưng Yên	175	100	75	
17	Thái Bình	175	75	100	
18	Nam Định	400	125	75	200
19	Hà Nam	200	100	100	
20	Ninh Bình	200	125	75	
21	Thanh Hoá	500	150	150	200
22	Nghệ An	500	150	150	200
23	Hà Tĩnh	175	100	75	
24	Quảng Bình	200	100	100	
25	Quảng Trị	225	100	125	
26	Thừa Thiên Huế	150	75	75	
27	Quảng Nam	450	150	100	200
28	Quảng Ngãi	450	150	100	200
29	Bình Định	200	100	100	
30	Phú Yên	175	100	75	

31	Ninh Thuận	200	125	75	
32	Bình Thuận	175	100	75	
33	Gia Lai	450	150	100	200
34	Kon Tum	200	100	100	
35	Đắk Lắk	225	150	75	
36	Đắk Nông	175	100	75	
37	Lâm Đồng	200	100	100	
38	Bình Phước	175	100	75	
39	Tây Ninh	175	100	75	
40	Long An	175	75	100	
41	Đồng Tháp	175	100	75	
42	Tiền Giang	200	100	100	
43	An Giang	400	125	75	200
44	Bến Tre	175	100	75	
45	Vĩnh Long	175	75	100	
46	Trà Vinh	175	75	100	
47	Hậu Giang	200	125	75	
48	Sóc Trăng	175	100	75	
49	Kiên Giang	450	150	100	200
50	Bạc Liêu	175	100	75	
51	Cà Mau	200	100	100	